

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA KINH TẾ HỌC
BỘ MÔN KINH TẾ VI MÔ

ĐỀ THI THỬ GIỮA KÌ
Thời gian: 60 phút

Đề thi gồm 40 câu, trong 10 trang

Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu, giám thị không giải thích gì thêm

- Câu 1.** Trong các nhận xét sau, nhận xét nào đúng về thuế:
- A. Thuế làm ảnh hưởng đến đường cầu
 - B. Cả người tiêu dùng và nhà sản xuất đều phải chịu thuế, tuy nhiên, người tiêu dùng chịu nhiều hơn
 - C. Người tiêu dùng sẽ cân nhắc sử dụng các hàng hóa bị đánh thuế
 - D. Thuế là một nhân tố của cung
- Câu 2.** Hàm tổng lợi ích (TB) và hàm tổng chi phí (TC) của một hoạt động như sau: $TB = 200Q - Q^2$ và $TC = 200 + 20Q + 0,5Q^2$. Quy mô hoạt động tối đa hoá lợi ích là:
- A. $Q = 100$
 - B. $Q = 200$
 - C. $Q = 50$
 - D. $Q = 150$
- Câu 3.** Hàm tổng lợi ích (TB) và hàm tổng chi phí (TC) của một hoạt động như sau: $TB = 200Q - Q^2$ và $TC = 200 + 20Q + 0,5Q^2$. Hãy xác định tổng lợi ích tối đa:
- A. $TB(\max) = 10000$
 - B. $TB(\max) = 12000$
 - C. $TB(\max) = 7500$
 - D. $TB(\max) = 5000$
- Câu 4.** Khi các nhà kinh tế sử dụng từ "cận biên" họ ám chỉ:
- A. Vừa đủ
 - B. Không quan trọng
 - C. Bổ sung
 - D. Đường biên
- Câu 5.** Một nền kinh tế có đường giới hạn năng lực sản xuất được minh họa bởi phương trình sau: $2X^2 + Y^2 = 225$ trong đó X là hàng hóa nông nghiệp còn Y là hàng hóa công nghiệp. Nếu $X=10$ thì lượng Y tối đa có thể sản xuất được là bao nhiêu?
- A. $Y=25$

- B. $Y=5$
- C. $Y=10$
- D. $Y=15$

Câu 6. Hàng hóa mà khi thu nhập tăng lên người sản xuất bán ít đi và ngược lại là:

- A. Hàng hóa cấp thấp
- B. Hàng hóa thiết yếu
- C. Hàng hóa xa xỉ
- D. Hàng hóa bổ sung

Câu 7. Mai tiêu dùng 2 hàng hoá A và B, và đang ở điểm cân bằng. Lợi ích cận biên của đơn vị hàng hoá A cuối cùng là 10 và B là 5. Nếu giá của A là \$0,5, thì giá của B là:

- A. \$0,1
- B. \$1
- C. \$0,5
- D. \$0,25

Câu 8. Thị trường sản phẩm A có hàm cung và cầu như sau: $P_s = 10 + Q_s$ và $P_d = 100 - Q_d$. Tính giá và sản lượng cân bằng

- A. $P_e = 55$ và $Q_e = 45$
- B. $P_e = 50$ và $Q_e = 45$
- C. $P_e = 55$ và $Q_e = 40$
- D. $P_e = 45$ và $Q_e = 55$

Câu 9. Trước đây khi giá là 3.3\$/kg thì thị trường bán 220 nghìn tấn thịt lợn/năm. Do thu nhập tăng dần, năm sau, vẫn mức giá đó, thị trường bán 232 tấn/năm.

- A. Trong trường hợp này đường cầu dịch chuyển theo hướng nào sau đây:
- B. Dịch về phía gốc tọa độ
- C. Dịch chuyển lên trên
- D. Dịch chuyển xuống dưới
- E. Dịch ra xa gốc tọa độ

Câu 10. Hàm tổng cầu hàng hóa A theo thu nhập được biểu diễn như sau: $Q = 10I + 100$. Độ co giãn của cầu theo thu nhập (E_i) tại mức thu nhập bằng 10 là:

- A. 0.5
- B. 3.5
- C. 2.5
- D. 1.5

Câu 11. Một công ty ước lượng được hàm cầu đối với sản phẩm của mình như sau:
 $Q_x = 100 - 0.5P_y$ trong đó Q_x là lượng cầu hàng hóa X do công ty đó kinh doanh, P_y là giá hàng hóa Y liên quan đến hàng hóa X. Hệ số co giãn chéo của cầu hàng hóa X theo giá của hàng hóa Y (E_{xy}) khi P_y nằm trong khoảng (80;100) là:

- A. -0.25
- B. -0.77
- C. -0.82
- D. -0.55

Câu 12. Theo giả thuyết Slutsky, một sự thay đổi trong giá của hàng hóa sẽ có hai tác động, đó là :

- A. Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập
- B. Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng bổ sung
- C. Ảnh hưởng giá và ảnh hưởng thu nhập
- D. Ảnh hưởng giá và ảnh hưởng nhu cầu

Câu 13. Giả sử $MU(A)$ và $MU(B)$ là lợi ích cận biên của hai hàng hoá A và B; $P(A)$ và $P(B)$ là giá của hai hàng hoá đó. Công thức nào sau đây minh hoạ ở điểm cân bằng?

- A. $MU(A) = MU(B)$
- B. $MU(A) = MU(B)$ VÀ $P(A) = P(B)$
- C. $MU(A)/MU(B) = P(A)/P(B)$
- D. $MU(A)/MU(B) = P(B)/P(A)$

Câu 14. Thuế khoán là gì?

- A. Là tiền thuế phải nộp được tính trên sản lượng sản phẩm bán ra
- B. Là tiền thuế phải nộp cố định với mỗi doanh nghiệp, không phụ thuộc sản phẩm bán ra
- C. Là tiền thuế phải nộp tỉ lệ với số lượng các yếu tố đầu vào để sản xuất một lượng đầu ra Q cố định
- D. A và C

Câu 15. Trong những tuyên bố đề cập đến chi phí ngắn hạn dưới đây, tuyên bố nào là sai?

- A. Tổng chi phí trung bình và chi phí biến đổi trung bình có dạng chữ U
- B. Khoảng cách giữa tổng chi phí trung bình và chi phí biến đổi trung bình thu hẹp dần là chi phí cận biên
- C. Khoảng cách giữa tổng chi phí trung bình và chi phí biến đổi trung bình thu hẹp dần khi sản lượng tăng
- D. Đường chi phí cận biên cắt đường chi phí biến đổi trung bình ở điểm cực tiểu của chi phí biến đổi trung bình

Câu 16. Chi phí cận biên MC cắt

- A. ATC, AVC và AFC tại điểm cực tiểu của chúng
- B. ATC, AFC tại điểm cực tiểu của chúng
- C. AVC và AFC tại điểm cực tiểu của chúng
- D. ATC và AVC tại điểm cực tiểu của chúng

Câu 17. Nếu chi phí lao động là 50\$ một ngày và chi phí thuê máy là 100\$ một ngày, kết hợp vốn và lao động nào hãng có thể thuê với 900\$?

- A. 10 máy móc và 4 lao động
- B. 9 máy móc và 7 lao động
- C. 8 máy móc và 8 lao động
- D. 4 máy móc và 10 lao động

Câu 18. Biểu thức toán học để tính lợi nhuận π là:

- A. $\pi = TB - TC$
- B. $\pi = Q.(P - ATC)$
- C. $\pi = TR - VC$
- D. $\pi = PS - VC$

Câu 19. Giả sử rằng hãng tăng cả 2 đầu vào K, L lên h lần và gọi λ là mức tăng tương ứng của sản phẩm đầu r Khi nào thì hiệu suất tăng theo quy mô?

- A. $\lambda/h > 1$
- B. $\lambda/h < 1$
- C. $\lambda/h = 1$
- D. $\lambda/h = 0$

Câu 20. Khi vận động dọc theo đường sản lượng, nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Mức sản lượng giữ nguyên nhưng lượng tư bản và lao động cần thiết để sản xuất ra mức sản lượng đó sẽ thay đổi
- B. Mức sản lượng thay đổi nhưng lượng tư bản và lao động cần thiết để sản xuất ra mức sản lượng đó sẽ giữ nguyên
- C. Mức sản lượng giữ nguyên nhưng lượng yếu tố đầu vào để sản xuất ra mức sản lượng đó sẽ thay đổi
- D. Mức sản lượng thay đổi nhưng lượng yếu tố đầu vào để sản xuất ra mức sản lượng đó sẽ giữ nguyên

Câu 21. Dạng tuyến tính của hàm sản xuất Cobb-Douglass là:

- A. $\ln(Q) = (\ln(A) / a.\ln(K)) + (\ln(A) / b.\ln(L))$
- B. $\ln(Q) = \ln(A) + a.(\ln(K) + \ln(L))$
- C. $\ln(Q) = \ln(A) + a.\ln(K) + b.\ln(L)$

D. $\ln(Q) = \ln(A) / \ln(K)$

Câu 22. Đường tổng sản lượng mô tả:

- A.** Sự thay đổi của đầu ra khi lao động được sử dụng trong quá trình sản xuất tăng lên có dạng hình chuông tăng, đạt giá trị lớn nhất và giảm xuống
- B.** Sự thay đổi của đầu ra khi lượng đầu vào biến đổi được sử dụng trong quá trình sản xuất giảm xuống có dạng hình chuông giảm, đạt giá trị nhỏ nhất và tăng lên
- C.** Sự thay đổi của đầu ra khi lao động được sử dụng trong quá trình sản xuất tăng lên có dạng hình chuông tăng
- D.** Sự thay đổi của đầu ra khi lượng đầu vào biến đổi được sử dụng trong quá trình sản xuất giảm xuống có dạng hình chuông giảm

Câu 23. Công thức tính sản phẩm cận biên của lao động (MPL) là :

- A.** $MPL = \Delta Q / \Delta S$
- B.** $MPL = \Delta Q / \Delta K$
- C.** $MPL = \Delta Q / \Delta P$
- D.** $MPL = \Delta Q / \Delta L$

Câu 24. Khi nghiên cứu sản xuất ngắn hạn (SR), mệnh đề nào sau đây đúng:

- A.** Giả định rằng lượng sản xuất là thay đổi, lượng tư bản sử dụng cố định
- B.** Sản lượng Q phụ thuộc vào các yếu tố biến đổi như công nghệ, vốn, ...
- C.** Hàm số theo L được biểu thị là: $Q = f(L)$
- D.** Các đáp án trên đều đúng

Câu 25. Tỷ lệ lãi suất là 10% / năm. Bạn đầu tư 150 triệu đồng tiền riêng của mình vào một công việc kinh doanh và kiếm được lợi nhuận tính toán 40 triệu đồng sau một năm. Giả định các yếu tố khác không đổi thì lợi nhuận kinh tế bạn thu được là

- A.** 20 triệu đồng
- B.** 25 triệu đồng
- C.** 5 triệu đồng
- D.** 2 triệu đồng

Câu 26. Giả định công ty Xuân Thu có một lượng tài sản cố định dưới hình thức máy dệt. Công ty chỉ có thay đổi sản lượng bằng cách thay đổi lượng lao động. Đây là ví dụ về:

- A.** Các ràng buộc thị trường
- B.** Hiệu quả kinh tế
- C.** Sản xuất ngắn hạn
- D.** Sản xuất dài hạn

- Câu 27.** Giả sử thị trường có ba cá nhân khác nhau có phương trình cầu như sau: $P_1 = 100 - Q_1$; $P_2 = 80 - 0.5Q_2$; $P_3 = 60 - 0.4Q_3$. phương trình đường cầu của thị trường là
- A. $P = 410 - 5.5Q$
 - B. $Q = 410 - 5.5P$
 - C. $P = 410 - 5Q$
 - D. $Q = 410 - 5P$
- Câu 28.** Luật cung đòi hỏi đường cung:
- A. Phải dốc xuống
 - B. Phải đi lên
 - C. Phải nằm ngang
 - D. Không yêu cầu phải có hình dáng nhất định
- Câu 29.** Một người tiêu dùng có thu nhập là $I = 1,5$ triệu đồng/tháng để mua 2 hàng hoá X và Y. Giá của hàng hoá X là 15.000 đồng/kg và hàng hoá Y là 5.000 đồng/kg. Hàm tổng ích lợi được cho bởi $TU = 2XY$. Nếu thu nhập của người tiêu dùng này tăng lên $I = 3$ triệu đồng/ tháng thì số lượng hàng hoá X và Y được lựa chọn là:
- A. $X = 50, Y = 100$
 - B. $X = 50, Y = 150$
 - C. $X = 100, Y = 300$
 - D. $X = 75, Y = 150$
- Câu 30.** Nếu thu nhập tăng lên 10% dẫn đến sự gia tăng 5% của lượng cầu, co giãn của cầu theo thu nhập (E_i) bằng:
- A. +0.5
 - B. -0.5
 - C. +2.0
 - D. -2.0
- Câu 31.** Hàm cầu của một dịch vụ sửa xe máy là $Q = 240 - 20P$ có mức sản lượng tối ưu là 80 xe máy được sửa và $ATC = 10\$$, $AVC = 6\$$. Hãng sẽ lỗ(lãi) bao nhiêu
- A. Lãi 160\$
 - B. Lãi 200\$
 - C. Lỗ 160\$
 - D. Lỗ 200\$
- Câu 32.** Một hãng cạnh tranh độc quyền gặp đường cầu về sản phẩm của mình là $P = 9 - Q$. Tổng chi phí ngắn hạn $STC = 2 + 3Q + Q^2$, đường chi phí bình quân dài hạn $LAC = 5Q - Q^2$. Tìm giá, sản lượng cho hãng trong ngắn hạn
- A. $Q = 1,75; P = 7,75$
 - B. $Q = 1,5; P = 7,75$

C. $Q = 1,75$; $P = 7,5$

D. $Q = 1,5$; $P = 7,5$

Câu 33. Ở thành phố Hotlelis, Hoa Kỳ có một lối đi bộ trải dài dọc trên bãi biển. Một số người bán kem bằng xe đẩy muốn bán kem trên lối đi bộ. Nếu có 2 người bán kem trên lối đi bộ thì trạng thái cân bằng duy nhất của 2 người này là ở đâu

- A. Tại $1/3$ quãng đường đi bộ
- B. Tại $1/2$ quãng đường đi bộ
- C. Tại $3/4$ quãng đường đi bộ
- D. Tại đầu hoặc cuối quãng đường đi bộ

Câu 34. Nếu đường cầu có dạng $P = a - b * Q$ thì MR của hãng độc quyền có dạng

- A. $MR = a - 2b * Q$
- B. $MR = a + 2b * Q$
- C. $MR = a - b * Q$
- D. $MR = a + b * Q$

Câu 35. Phát biểu nào sau đây là nhiệm vụ của các chính sách thương mại quốc tế?

- A. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước xâm nhập và mở rộng thị trường ra nước ngoài.
- B. Bảo vệ thị trường nội địa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước đứng vững và vươn lên trong hoạt động kinh doanh quốc tế.
- C. Mở rộng giao thương giữa các quốc gia, kích thích phát triển các yếu tố đầu vào sản xuất, tăng tính cạnh tranh để từ đó tăng cường lượng Q đầu ra
- D. A và B

Câu 36. Hạn ngạch xuất khẩu là:

- A. Là việc chính phủ quy định mức sản lượng tối thiểu của một hàng hoá có thể được xuất khẩu trong một khoảng thời gian nhất định.
- B. Là việc chính phủ quy định mức sản lượng tối đa của một hàng hoá có thể được nhập khẩu trong một khoảng thời gian nhất định.
- C. Là việc chính phủ quy định mức sản lượng tối thiểu của một hàng hoá có thể được nhập khẩu trong một khoảng thời gian nhất định.
- D. Là việc chính phủ quy định mức sản lượng tối đa của một hàng hoá có thể được xuất khẩu trong một khoảng thời gian nhất định.

Câu 37. Tại sao có thể nói rằng : Sự cung cấp hàng hoá công cộng bởi tư nhân thông qua thị trường rất khó xảy ra?

- A. Vì lợi ích của những hàng hóa này đem lại không hiệu quả bằng các hàng hóa thông thường

- B. Vì lợi nhuận của những hàng hóa này đem lại không hiệu quả bằng các hàng hóa thông thường
- C. Vì lợi ích của những hàng hoá này bị phân tán rộng rãi đến mức không một hãng nào muốn cung cấp chúng
- D. Vì chính phủ là người cung cấp chính hàng hóa công cộng

Câu 38. Tại sao khi xảy ra hiện tượng ngoại ứng tích cực, chính phủ cần phải trợ cấp?

- A. Vì $MSB = MPB - MFB$
- B. Vì $MSB = MPB + MFB$
- C. Vì $MSB = MPB.MFB$
- D. Vì $MSB = MPB / MFB$

Câu 39. Nội dung của hiệu quả Patero được phát biểu là:

- A. Chi phí cận biên của sản xuất của mọi loại hàng hoá nhỏ hơn lợi ích cận biên của chúng đối với người tiêu dùng
- B. Chi phí cận biên của sản xuất của mọi loại hàng hoá lớn hơn lợi ích cận biên của chúng đối với người tiêu dùng
- C. Chi phí cận biên của sản xuất của mọi loại hàng hoá bằng với lợi ích cận biên của chúng đối với người tiêu dùng
- D. Không đáp án nào đúng

Câu 40. Khi thị trường không đạt được trạng thái cân bằng mang tính hiệu quả Pareto, thì thị trường

- A. Kém hiệu quả
- B. Không hiệu quả
- C. Chưa tận dụng tối ưu các nguồn lực
- D. Thất bại